1. Khi đánh giá chất lượng thuốc, bào chế hiện đại thường quan tâm đến:
2. Cảm quan
3. Chỉ tiêu vật lý
4. Hàm lượng dược chất
5. SKD
6. Độ nhiễm khuẩn
7. Sinh khả dụng in vivo đánh giá giai đoạn:
8. Hòa tan
9. Hấp thu
10. Phân bố
11. Chuyển hóa
12. Thải trừ.
13. SKD in vitro đánh giá giai đoạn:
14. Hòa tan
15. Hấp thu
16. Phân bố
17. Chuyển hóa
18. Thải trừ
19. Phương pháp định lượng dược chất hay dùng nhất trong đánh giá SKD in vivo là:
20. Phương pháp hóa học
21. Điện di mao quản.
22. Đo quang
23. HPLC
24. Miễn dịch huỳnh quang.
25. Phương pháp định lượng dược chất hay dùng nhất trong thử nghiệm hòa tan là:
26. Phương pháp hóa học
27. Điện di mảo quản
28. Đo quang
29. HPLC
30. Miễn dịch huỳnh quang.
31. Phương pháp xác định SKD in vivo chính xác nhất là:
32. Xác định nồng độ dược chất trong máu.
33. Xác định nồng độ dược chất trong nước bọt.
34. Xác định nồng độ dược chất trong nước tiểu
35. Xác định nồng độ chất chuyển hóa trong nước tiểu
36. Xác định đáp ứng lâm sàng
37. Lựa chọn phương pháp thích hợp nhất để đánh giá SKD in vivo:
38. Định lượng dược chất trong máu
39. Định lượng dược chất trong nước bọt
40. Định lượng dược chất trong nước tiểu
41. Đánh giá SKD in vitro ( đã được chứng minh tương quan với in vivo)
42. Định lượng chất chuyển hóa trong nước tiểu.
43. Khi đánh giá SKD in vivo người ta thường thử thuốc trên người tình nguyện khỏe mạnh hơn là trên người bệnh. Lý do chính vì:
44. Dễ kiểm soát chế độ ăn.
45. Dễ lấy máu
46. Tránh được ảnh hưởng của thuốc khác
47. Phản ảnh được mô hình hấp thu.
48. Hạn chế được tác dụng không mong muốn..
49. Chế phẩm đối chiếu TĐSH tốt nhất là nên dùng:
50. Chế phẩm tự sản xuất
51. Sản phẩm có uy tín trên thị trường.
52. Sản phẩm bán chạy nhất trên thị trường.
53. Thuốc gốc của nhà sáng chế.
54. Sản phẩm có hình thức đóng gói giống chế phẩm đánh giá.
55. Yếu tố dược học ảnh hưởng đến SKD là:
56. Giới tính
57. Lứa tuổi
58. Thể trạng
59. Tình trạng bệnh
60. Liều dùng.